

Số: 1766 /QĐ-BNN-TCLN

Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ trong lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/CD-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 27/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp và Chánh Văn phòng Bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 02 thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được quy định tại Nghị định số 27/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp (có phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

1. Bãi bỏ 01 thủ tục hành chính trong lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được quy định tại Quyết định số 2894/QĐ-BNN-CBTTNS ngày 25/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính thay thế và bãi bỏ lĩnh vực trồng trọt, lâm nghiệp, chăn nuôi, bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (có phụ lục kèm theo); bãi bỏ Văn bản số 7271/BNN-VP ngày 20/10/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc đính chính Phụ lục văn bản.

2. Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 4044/QĐ-BNN-TCLN ngày 14/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung Điều 2 như sau:

“Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Thủ tục hành chính số thứ tự 01 Mục C Phần I của Phụ lục có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2020.

2. Thủ tục hành chính quy định tại Mục A, số thứ tự 01 Mục B và số thứ tự 02 Mục C Phần I của Phụ lục có hiệu lực thi hành kể từ ngày Thủ tướng Chính phủ quyết định.

3. Thủ tục hành chính số thứ tự 02 Mục B Phần I của Phụ lục có hiệu lực thi hành sau 18 tháng kể từ ngày 30/10/2020.”

b) Sửa đổi, bổ sung Mục 1.4 tại trang 34 Phần II của Phụ lục như sau:

“1.4. Thời hạn giải quyết:

a) Trường hợp không phải xác minh: 05 ngày làm việc.

b) Trường hợp phải xác minh: 13 ngày làm việc.”

3. Sửa đổi tại cột “Cơ quan thực hiện” của TTHC số 1 Mục B, khoản 1 Phần I kèm theo Quyết định số 4751 /QĐ-BNN-TCLN ngày 11/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Về việc công bố thủ tục hành chính thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn như sau: Thay thế “Ủy ban bảo vệ và phát triển rừng tỉnh” bằng “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh”.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ pháp chế, Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp, Thủ trưởng các Tổng cục, Vụ, Cục, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở NN&PTNT các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Trung tâm tin học và Thống kê (Cổng Thông tin điện tử Bộ NN&PTNT);
- Văn phòng Bộ (Phòng Kiểm soát TTHC);
- Báo Nông nghiệp Việt Nam;
- Lưu: VT, TCLN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Hà Công Tuấn

Phụ lục
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC
LÂM NGHIỆP THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ
NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BNN-TCLN ngày tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
Thủ tục hành chính cấp trung ương			
1	Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp	Lâm nghiệp	Tổng cục Lâm nghiệp
2	Cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp do bị mất, bị hỏng	Lâm nghiệp	Tổng cục Lâm nghiệp

2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
Thủ tục hành chính cấp trung ương			
1	Cấp phép nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp	Lâm nghiệp	Tổng cục Lâm nghiệp

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Thủ tục hành chính cấp trung ương

Lĩnh vực: Lâm nghiệp

1. Tên thủ tục hành chính: Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp

1.1. Trình tự thực hiện:

a) Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu cấp Giấy phép xuất khẩu hoặc nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ

bưu chính hoặc qua môi trường điện tử hoặc qua Cổng thông tin một cửa quốc gia đến Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Tổng cục Lâm nghiệp).

b) Bước 2: Trả lời tính đầy đủ của thành phần hồ sơ.

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính: Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Tổng cục Lâm nghiệp) xem xét tính đầy đủ của thành phần hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, phải thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân biết, để hoàn thiện.

- Trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường điện tử hoặc Cổng thông tin một cửa quốc gia: Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Tổng cục Lâm nghiệp) xem xét tính đầy đủ của thành phần hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, phải thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân biết, để hoàn thiện.

c) Bước 3: Thẩm định và trả kết quả.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Tổng cục Lâm nghiệp) thẩm định và cấp Giấy phép xuất khẩu hoặc nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp theo Mẫu số 08/LN Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 27/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp; trường hợp từ chối cấp Giấy phép, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

1.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử hoặc qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Hồ sơ gồm:

- Văn bản đề nghị cấp Giấy phép xuất khẩu/ nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp theo Mẫu số 05/LN Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 27/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp;

- Bản chính lý lịch giống cây trồng lâm nghiệp đề nghị xuất khẩu/ nhập khẩu (mỗi giống chỉ nộp một lần khi xuất khẩu lần đầu) theo Mẫu số 07/LN Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 27/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp;

- Ngoài ra phải kèm theo một trong các tài liệu sau đây:

* Trường hợp cấp Giấy phép xuất khẩu giống cây trồng lâm nghiệp:

+ Bản sao thỏa thuận hợp tác bằng tiếng nước ngoài kèm theo bản dịch công chứng sang tiếng Việt đối với trường hợp xuất khẩu phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, hợp tác quốc tế;

+ Giấy xác nhận hoặc Giấy mời tham gia hội chợ, triển lãm của đơn vị tổ chức đối với trường hợp xuất khẩu để tham gia hội chợ, triển lãm.

* Trường hợp cấp Giấy phép nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp:

+ Bản chính hoặc bản sao thiết kế kỹ thuật trồng khảo nghiệm, thử nghiệm giống cây trồng lâm nghiệp đối với trường hợp nhập khẩu để khảo nghiệm, trồng thử nghiệm;

+ Bản sao thỏa thuận hợp tác bằng tiếng nước ngoài kèm theo bản dịch công chứng sang tiếng Việt đối với trường hợp nhập khẩu theo thỏa thuận hợp tác;

+ Bản chính hoặc bản sao Giấy xác nhận hoặc Giấy mời tham gia hội chợ, triển lãm tại Việt Nam đối với trường hợp nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp để tham gia hội chợ, triển lãm;

+ Bản sao Giấy xác nhận giữa hai bên bằng tiếng nước ngoài kèm theo bản dịch công chứng sang tiếng Việt đối với trường hợp nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp để làm quà tặng;

+ Bản sao văn bản phê duyệt hoặc chấp thuận chương trình, dự án đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc dự án được doanh nghiệp phê duyệt theo quy định của pháp luật đối với trường hợp nhập khẩu để thực hiện các chương trình, dự án đầu tư.

b) Số lượng: 01 bộ

1.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức;

- Cá nhân.

1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Tổng cục Lâm nghiệp)

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy phép xuất khẩu/ nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp.

1.8. Phí, lệ phí: Không

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Văn bản đề nghị xuất khẩu/ nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp theo Mẫu số 05/LN Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 27/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp;

- Bản chính lý lịch giống cây trồng lâm nghiệp đề nghị xuất khẩu/ nhập khẩu theo Mẫu số 07/LN Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 27/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp.

1.10. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Điều 25, Điều 26 Nghị định số 27/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp.

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XUẤT KHẨU/NHẬP KHẨU
GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 27/2021/NĐ-CP
ngày 25 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ)*

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN
TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

..., ngày... tháng... năm

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XUẤT KHẨU/NHẬP KHẨU
GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP**

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép xuất khẩu/nhập khẩu:
- Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Chứng minh thư nhân dân hoặc Căn cước công dân đối với cá nhân đăng ký xuất khẩu/nhập khẩu:
- Địa chỉ:
- Điện thoại, Fax, Email:
- *(Tên tổ chức, cá nhân)*.....đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho phép xuất khẩu/nhập khẩu giống cây lâm nghiệp sau đây:
 1. Tên loài cây:
 - Tên khoa học:
 - Tên Việt Nam:
 2. Số lượng:
 - Hạt giống/lô giống:kg
 - Cây giống/dòng vô tính:..... số cây /dòng vô tính
 3. Nguồn gốc, xuất xứ giống (kèm theo lý lịch nguồn giống):
 4. Mục đích xuất khẩu/nhập khẩu giống:
 - Nghiên cứu
 - Khảo nghiệm
 - Sản xuất thử nghiệm
 - Quà tặng
 - Hội chợ, Triển lãm
 - Hợp tác quốc tế
 - Cây cảnh, cây bóng mát
 - Mục đích khác
 5. Thời gian xuất khẩu/nhập khẩu giống: từ ngày ... tháng ... năm 20...

6. Cửa khẩu xuất khẩu/nhập khẩu giống: Cửa khẩu/sân bay/bưu điện

7. Lần xuất khẩu/nhập khẩu (thứ mấy)

- Kèm theo đây là các tài liệu liên quan

Tờ khai kỹ thuật

Giấy chứng nhận ĐKKD

Giấy chứng nhận Đầu tư (.....)

Giấy tờ khác

- (*Tên tổ chức, cá nhân*)..... cam kết thực hiện đúng những quy định của nhà nước về xuất khẩu/nhập khẩu và báo cáo kết quả xuất khẩu/nhập khẩu giống về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét và giải quyết./.

....., ngày... tháng.... năm....

Tổ chức, cá nhân đề nghị

(*Ký tên, đóng dấu*)

**MẪU LÝ LỊCH GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP
ĐỀ NGHỊ XUẤT KHẨU/NHẬP KHẨU**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 27/2021/NĐ-CP
ngày 25 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ)*

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN
TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

..., ngày... tháng... năm

**LÝ LỊCH GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP
ĐỀ NGHỊ XUẤT KHẨU/NHẬP KHẨU**

I. Thông tin về giống

- Tên giống:
- + Tên giống cây trồng ghi bằng tiếng Việt (nếu cây trồng chưa có ở Việt Nam thì ghi bằng tiếng Anh hoặc phiên âm La tinh tiếng bản địa nơi nhập về):....
- + Tên khoa học (cụ thể đến loài, họ, bộ):
- Đặc điểm thực vật học chủ yếu:
- Bộ phận sử dụng:
- + Gỗ:..... Sản phẩm ngoài gỗ:.....
- Giống được thu hái từ (rừng giống, vườn giống, rừng trồng):
- Những đặc điểm ưu việt của giống xuất khẩu/nhập khẩu: năng suất, khả năng kháng bệnh, tính chất cơ lý gỗ

2. Điều kiện tự nhiên nơi thu hái giống

a) Đặc điểm địa lý

- Kinh độ:.....
- Vĩ độ:.....
- Độ cao so với mực nước biển:

b) Đặc điểm khí hậu

- Nhiệt độ bình quân năm:
- Nhiệt độ bình quân tháng nóng nhất:
- Nhiệt độ bình quân tháng lạnh nhất:
- Lượng mưa bình quân năm:
- Mùa mưa:
- Lượng bốc hơi:

3. Kỹ thuật gieo trồng (đối với giống cây trồng xuất khẩu/nhập khẩu lần đầu):

- Yêu cầu điều kiện sinh thái (vĩ độ, nhiệt độ, đất đai...):.....
- Thời vụ trồng:.....
- Mật độ, lượng giống /ha:.....

- Sâu bệnh hại chính:

4. Cảnh báo các tác hại

Nêu rõ những dự báo tác động xấu của loại cây trồng xuất khẩu/nhập khẩu đến môi trường sinh thái như đất, nước, sinh vật khác và sức khỏe con người (nếu có):

(Tên tổ chức, cá nhân)... cam đoan và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của những thông tin trong tờ khai lý lịch giống này./.

....., ngày... tháng.... năm....

Tổ chức, cá nhân đề nghị

(Ký tên, đóng dấu)

MẪU GIẤY PHÉP XUẤT KHẨU/NHẬP KHẨU GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Nghị định số 27/2021/NĐ-CP
ngày 25 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ)

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT
TRIỂN NÔNG THÔN
TỔNG CỤC LÂM NGHIỆP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày... tháng... năm 20....

Số: .../GPXK-TCLN
(Số: .../GPNK-TCLN)

GIẤY PHÉP XUẤT KHẨU/NHẬP KHẨU GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP

Căn cứ Nghị định sốngày ... tháng ... năm của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số: .../2021/NĐ-CP ngày ...tháng ...năm.... của Chính phủ về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp;

Căn cứ văn bản đề nghị xuất khẩu/nhập khẩu số ngày tháng năm 20... của..... và hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép xuất khẩu/nhập khẩu .

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đồng ý cho:

Tổ chức/cá nhân.....

Địa chỉ

Điện thoại Fax

Được phép xuất khẩu/nhập khẩu để

1. Tên thương mại:

2. Tên khoa học:

3. Số lượng: Khối lượng

4. Tên cơ sở sản xuất:

5. Địa chỉ nhà sản xuất..... ĐT Fax

6. Nước xuất khẩu/nhập khẩu:

7. Thời gian xuất khẩu/nhập khẩu:

8. Cửa khẩu xuất khẩu/nhập khẩu:

9. Mục đích xuất khẩu/nhập khẩu:

Giấy phép này có giá trị đến hết ngày:

Tổ chức/cá nhân phải thực hiện đúng mục đích xuất khẩu/nhập khẩu và thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành./.

Nơi nhận:

-
- Lưu: VT,.

Hà Nội, ngày... tháng... năm 20....

TỔNG CỤC TRƯỞNG

(Họ và tên, chữ ký và đóng dấu)

2. Tên thủ tục hành chính: Cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp do bị mất, bị hỏng

1.1. Trình tự thực hiện:

a) Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu cấp lại Giấy phép xuất khẩu hoặc nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp do bị mất, bị hỏng nộp hồ sơ đến Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Tổng cục Lâm nghiệp).

b) Bước 2: Kiểm tra, cấp lại giấy phép và trả kết quả.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được được văn bản đề nghị cấp lại Giấy phép xuất khẩu hoặc nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Tổng cục Lâm nghiệp) xem xét, cấp lại Giấy phép xuất khẩu hoặc nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp; trường hợp từ chối cấp lại Giấy phép, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

1.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử hoặc qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Hồ sơ gồm:

Văn bản đề nghị cấp lại Giấy phép xuất khẩu/ nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp theo Mẫu số 06/LN Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 27/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp.

b) Số lượng: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị cấp lại Giấy phép xuất khẩu hoặc nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức;
- Cá nhân.

1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Tổng cục Lâm nghiệp)

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy phép xuất khẩu/nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp.

1.8. Phí, lệ phí: Không

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Văn bản đề nghị cấp lại Giấy phép xuất khẩu/nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp theo Mẫu số 06/LN Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 27/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp.

1.10. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Khoản 7 Điều 25, Khoản 7 Điều 26 Nghị định số 27/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp.

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN
TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:

..., ngày... tháng... năm

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP XUẤT KHẨU/NHẬP KHẨU GIỐNG
CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP**

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp lại Giấy phép xuất khẩu/nhập khẩu:
- Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Chứng minh thư nhân dân hoặc Căn cước công dân đối với cá nhân đăng ký xuất khẩu:
- Địa chỉ:
- Điện thoại, Fax, Email:
- (*Tên tổ chức, cá nhân*)..... đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp lại Giấy phép xuất khẩu/nhập khẩu với các nội dung sau đây:
 1. Lý do đề nghị cấp lại:
 2. Tên loài cây:
 - Tên khoa học:
 - Tên Việt Nam:
 3. Số lượng:
 - Hạt giống/lô giống:kg
 - Cây giống/dòng vô tính:.....số cây /dòng vô tính
 4. Nguồn gốc, xuất xứ giống (kèm theo lý lịch nguồn giống):
 5. Mục đích xuất khẩu/nhập khẩu giống:
 - Nghiên cứu
 - Khảo nghiệm
 - Sản xuất thử nghiệm
 - Quà tặng
 - Hội chợ, Triển lãm
 - Hợp tác quốc tế
 - Cây cảnh, cây bóng mát
 - Mục đích khác
 6. Thời gian xuất khẩu/nhập khẩu giống: từ ngày ... tháng ... năm 20...
 7. Cửa khẩu xuất khẩu/nhập khẩu giống: Cửa khẩu/sân bay/bưu điện
 8. Lần xuất khẩu/nhập khẩu (thứ mấy)
 - Kèm theo đây là các tài liệu liên quan
 - Tờ khai kỹ thuật

- Giấy chứng nhận ĐKKD
- Giấy chứng nhận Đầu tư (.....)
- Giấy tờ khác

(Tên tổ chức, cá nhân)..... cam kết thực hiện đúng những quy định của nhà nước về xuất khẩu/nhập khẩu và báo cáo kết quả xuất khẩu/nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét và giải quyết./.

....., ngày... tháng.... năm....
Tổ chức, cá nhân đề nghị
(Ký tên, đóng dấu)